

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 30/6/2021

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lâm Ngọc Hà**

Ông **Nguyễn Văn Ngư**

- Thư ký Tòa án: Lưu Thị Thúy Vy, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST- SD ngày 26 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2020/QĐST- DS ngày 15/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C: Bà Phạm Ngọc N (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền ngày 11/6/2020)

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1965 (Chết)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông **Trần Văn L** (Trần Hữu L), sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Kiều T:

1. Bà **Trần Diệu H** (Trần Thị Diệu H) (Vắng mặt)

2. Ông **Trần Văn L** (Trần Hữu L) (Vắng mặt)

3. Bà **Trần Thị L** (Trần Thúy L) (Vắng mặt)

4. Ông **Trần Văn V** (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trà Văn C**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2020; biên bản hòa giải ngày 11/8/2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N trình bày: Vào ngày 08/4/2012, ông Nguyễn Văn C có cổ một phần đất ruộng của bà T và cháu L (con bà T) diện tích là 05 công tầm lớn với số tiền: 100.000.000đ, thời hạn cổ là 04 năm.

Đến năm 2015 bà Trang và cháu Lành đã trả cho ông C được 50.000.000đ, còn nợ lại 50.000.000đ; và cho ông C tiếp tục canh tác 03 công, được 01 vụ lúa, khi thu hoạch xong thì bà T và cháu L lấy lại đất không ông C đang canh tác nữa. Sau đó ông C có yêu cầu bà T trả cho ông Chấm 50.000.000đ còn lại, nhưng bà T và cháu L hẹn hoài không trả, ông C gửi đơn lên Tổ hòa giải ấp, mời bà T và cháu Lành lên hòa giải, nhưng bà T và cháu L không đến dự.

Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Trần Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2020; biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2020; cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm, bị đơn cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của (bà T) ông Trần Văn V trình bày: Tại thời cổ đất, ông bệnh nặng, nên vợ ông là bà T và con ông tên Trần Văn L có cổ đất cho ông C, khoảng 05 công tầm lớn, giá 100.000.000đ, thời gian cổ là 04 năm (Từ năm 2012 đến năm 2014) của thửa đất số 852, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Hiện nay ông cắt chuyển cho con gái ông đứng tên là Trần Diệu H đứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông C cho con ông tên L chuộc lại 50.000.000đ, rồi L đem đi cổ lại cho ông Trà Văn C, ở ấp Đ, xã H, giá 80.000.000đ, hiện nay ông C đang canh tác.

Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả 50.000.000đ, ông đồng ý trả, nhưng hiện nay chưa có khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn L, bà Trần Diệu H, bà Trần Thị L và ông Trà Văn C, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng các ông (bà) đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình thụ lý vụ án ban đầu, Tòa án xác định quan hệ pháp là “ Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất”, nhưng trong quá trình hòa giải; cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi tiền cổ đất 50.000.000đ mà bị đơn còn nợ lại; và về phí bị đơn cũng

thừa nhận sự việc cô đất là có thật, đất đã lấy lại cho người khác cô, còn tiền cô đất cho nguyên đơn C trước đây chưa trả, nên Hội đồng xét xử xác định lại đây là quan hệ pháp luật "tranh chấp đòi tài sản" (Tiền).

[3] Về nội dung: Xét thấy ông Lê Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Trần Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền: 50.000.000đ.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N cho rằng vào ngày 08/4/2012, ông C có một phần đất ruộng của bà T và cháu L (con bà T), diện tích là 05 công tầm lớn với số tiền: 100.000.000đ, thời hạn cô là 04 năm.

Đến năm 2015 bà T và cháu L có trả cho ông Chấm được 50.000.000đ, còn nợ lại 50.000.000đ và cho ông C canh tác 03 công, được 01 vụ lúa thì bà T và cháu L lấy lại đất cô cho người khác cô còn tiền thì không trả cho ông C, nên bà N yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Trần Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền: 50.000.000đ, và rút lại số tiền lãi 18.000.000đ không yêu cầu.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông V thừa nhận còn nợ ông C 50.000.000đ, tiền cô đất năm 2012 do vợ ông (là bà T và con ông là L đã cô đất cho ông C), đất đã lấy lại rồi và đã cô cho ông Trà Văn C, hiện nay ông chưa có tiền để trả lại cho ông C.

[6] Hội đồng xét xử thấy rằng ông Lê Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Trần Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền: 50.000.000đ là có căn cứ. Vì ông V thừa nhận bà T là vợ ông, cùng với con ông là L vào năm 2012 đã cô 05 công đất tầm lớn cho ông V, với giá 100.000.000đ, thời gian cô là 04 năm (Từ năm 2012 đến năm 2016), đến năm 2015 bà T và ông L đã trả 50.000.000đ, còn nợ lại 50.000.000đ (Hiện nay đất đã lấy lại rồi và đã cô cho ông Trà Văn C), ông đồng ý trả số tiền nêu trên, nhưng chưa có tiền để trả cho ông C.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thì bà Nguyễn Thị Kiều T đã chết, Tòa án đã đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng, do đó cần buộc ông Trần Văn V, ông Trần Văn L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là: ông Trần Văn V, ông Trần Văn L, bà Trần Diệu H, bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

[7] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên cho rằng HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C buộc bị đơn buộc ông Trần Văn V, ông Trần Văn L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là: ông Trần Văn V, ông Trần Văn L, bà Trần Diệu H, bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); đình chỉ một

phần yêu cầu của ông Lê Văn C đối với số tiền lãi: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng)

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của ông Lê Văn C là có căn cứ. Do đó áp dụng khoản 1, Điều 280; Điều 288; khoản 2, Điều 164; khoản 1, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị đơn ông Trần Văn V, ông Trần Văn L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là: ông Trần Văn V, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là có căn cứ. Xét thấy tại phiên Tòa bà N rút lại số tiền lãi 18.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đình chỉ đối với số tiền lãi 18.000.000đ.

[9] Về án phí: ông Trần Văn V, ông Trần Văn L, bà Trần Diệu H, bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.500.000đ (Hai triệu năm ngàn đồng), đối với số tiền: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), theo biên lai số: 0005166 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 1, Điều 280; Điều 288; khoản 2, Điều 164; khoản 1, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu của ông Lê Văn C kiện ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Trần Văn L về việc "tranh chấp đòi lại tài sản"(Tiền).

Buộc ông Trần Văn V, ông Trần Văn L (Trần Hữu L) và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là: ông Trần Văn V, ông Trần Văn L (Trần Hữu L), bà Trần Diệu H (Trần Thị Diệu H), bà Trần Thị L (Trần Thúy L) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn C đối với số tiền lãi: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng)

Về án phí: Ông Trần Văn V, ông Trần Văn L, bà Trần Diệu H, bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.500.000đ (Hai triệu năm ngàn đồng).

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), theo biên lai số: 0005166 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lê Văn C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn V, ông Trần Văn L, bà Trần Diệu H, bà Trần Thị L còn phải trả lãi cho ông Lê Văn C theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh